

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

10 tháng năm 2008

I.A.BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	586.528.619.728	840.158.969.849
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	57.884.389.498	24.967.231.896
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	59.814.622.373	23.000.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	172.734.631.911	203.344.658.160
4	Hàng tồn kho	242.625.798.500	445.687.042.622
5	Tài sản ngắn hạn khác	53.469.177.446	143.160.037.171
II	Tài sản dài hạn khác	73.844.466.344	23.712.746.369
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2	Tài sản cố định	5.534.537.951	6.298.775.416
	- Tài sản cố định hữu hình	4.930.037.949	5.718.650.411
	- Tài sản cố định vô hình	604.500.002	580.125.005
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	66.021.000.000	15.201.004.800
5	Tài sản dài hạn khác	2.288.928.393	2.212.966.153
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	660.373.086.072	863.871.716.218
IV	Nợ phải trả	366.178.888.845	597.099.756.617
1	Nợ ngắn hạn	365.999.390.317	596.920.258.089
2	Nợ dài hạn	179.498.528	179.498.528
V	Vốn chủ sở hữu	294.194.197.227	266.771.959.601
1	Vốn chủ sở hữu	294.110.269.113	262.833.594.664
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82.000.000.000	164.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	32.400.000	32.400.000
	- Cổ phiếu quỹ		-3.736.555.000
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	16.572.726.287	8.859.125.866
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	195.505.142.826	93.678.623.798
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	83.928.114	3.938.364.937
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	83.928.114	3.938.364.937
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	660.373.086.072	863.871.716.218

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

10 tháng năm 2008

I.A.BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	586.528.619.728	840.158.969.849
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	57.884.389.498	24.967.231.896
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	59.814.622.373	23.000.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	172.734.631.911	203.344.658.160
4	Hàng tồn kho	242.625.798.500	445.687.042.622
5	Tài sản ngắn hạn khác	53.469.177.446	143.160.037.171
II	Tài sản dài hạn khác	73.844.466.344	23.712.746.369
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2	Tài sản cố định	5.534.537.951	6.298.775.416
	- Tài sản cố định hữu hình	4.930.037.949	5.718.650.411
	- Tài sản cố định vô hình	604.500.002	580.125.005
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	66.021.000.000	15.201.004.800
5	Tài sản dài hạn khác	2.288.928.393	2.212.966.153
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	660.373.086.072	863.871.716.218
IV	Nợ phải trả	366.178.888.845	597.099.756.617
1	Nợ ngắn hạn	365.999.390.317	596.920.258.089
2	Nợ dài hạn	179.498.528	179.498.528
V	Vốn chủ sở hữu	294.194.197.227	266.771.959.601
1	Vốn chủ sở hữu	294.110.269.113	262.833.594.664
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82.000.000.000	164.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	32.400.000	32.400.000
	- Cổ phiếu quỹ		-3.736.555.000
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	16.572.726.287	8.859.125.866
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	195.505.142.826	93.678.623.798
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	83.928.114	3.938.364.937
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	83.928.114	3.938.364.937
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	660.373.086.072	863.871.716.218

II.A.KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TT	Chỉ tiêu	Lũy kế	Ghi chú
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	194.306.606.291	
2	Các khoản giảm trừ	0	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	194.306.606.291	
4	Giá vốn hàng bán: Trong đó:	84.356.452.106	
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	109.950.154.185	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3.341.291.703	
7	Chi phí tài chính	42.500.214.469	
8	Chi phí bán hàng		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.000.038.093	
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	65.791.193.326	
11	Thu nhập khác	2.531.991	
12	Chi phí khác	4.167.642	
13	Lợi nhuận khác	-1.635.651	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	65.789.557.675	
15	Thuế TNDN	9.210.538.074	
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.579.019.601	
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34,50%	
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

V. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm trước	Kỳ này
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	88,82	97,26
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	11,18	2,74
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	55,45	69,12
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	44,55	30,88
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,80	0,10
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,60	1,35
4	Tỷ suất sinh lời			
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	19,92	0,77
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	28,79	11,87
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	44,72	3,00

Ngày 10 tháng 11 năm 2008

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Gia Cường